

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST

Ngày 24 – 8 -2018

V/v Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Khoa Nam

2. Ông Hà Xuân Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Ông Dương Xuân Chính– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXX - ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Đức T**, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã L, TX P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Trần Thị Thanh T sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 55, quyền số 01/2011. Sau khi vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hay cãi nhau, cuộc

sống hôn nhân không hạnh phúc, sau khi chung sống với nhau được hơn một năm thì bà T không muốn sống chung với ông T nữa nên tự chuyển đi nơi khác sống, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Trần Thị Thanh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông T và bà T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn ông Lê Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt (Đơn đề ngày 18/7/2018).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Thanh T được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

-Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 57 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức T; tuyên ông T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

Nguyên đơn ông Lê Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Trần Thị Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do; nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đức T và bà Trần Thị Thanh T sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung khiến vợ chồng hay cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Qua xác minh tại địa phương nơi ông T và bà T chung sống trước đây được biết thực tế hiện nay ông T, bà T không còn chung sống với nhau nữa. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông T, bà T là trầm T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Đức T là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 xử cho ông T được ly hôn bà Trần Thị Thanh T.

[3] Về con chung: Ông T và bà T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56; 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đức T được ly hôn với bà Trần Thị Thanh T.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn - Ông Lê Đức T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0005882 ngày 01/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

“Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- THA DS TX P.Long
- UBND phường;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đoàn Ngọc Thảo